

Bản án số: 237/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 11 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 472/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bào Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp TLA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hùng T1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp TLA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Bào Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T chung sống với anh T1 từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thay đổi được quan điểm và ly thân đến nay khoảng hai tháng. Nay chị T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Huỳnh C, sinh năm 1991 và Trần Thái C1, sinh năm 1996. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có.

* *Đối với anh Trần Hùng T1, quá trình giải quyết vụ án anh trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời gian vợ chồng chung sống, không đi đăng ký kết hôn, thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Tuyết trình bày là đúng. Anh T1 xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị Tuyết nên đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Huỳnh C, sinh năm 1991 và Trần Thái C1, sinh năm 1996. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Anh T1 xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bào Thị T và anh Trần Hùng T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, cự cãi, anh chị đã ly thân hơn hai tháng, nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu được ly hôn, anh T1 đồng ý.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh chị đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Trần Huỳnh C, sinh năm 1991 và Trần Thái C1, sinh năm 1996. Hiện tại các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bào Thị T và anh Trần Hùng T1.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bào Thị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011068 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ (chị T đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐĐ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc

